

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC NINH
TỈNH BẮC NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 69/2022/HSST
Ngày 17/3/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH, TỈNH BẮC NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu H.

Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Quang H, bà Hoàng Thảo Y.

Thư ký phiên tòa: Bà Hạp Thị Thu T- Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh tham gia phiên tòa:

Bà Vũ Thị C- Kiểm sát viên.

Ngày 17/3/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 68/2022/HSST ngày 14/01/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/QĐXXST-HS ngày 11/02/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2022/QĐHPT, ngày 22/02/2022 đối với các bị cáo:

1. Trương Văn K, sinh năm 1991.

HKTT: Thôn Đ, xã Đ, huyện Q, tỉnh B; Chỗ ở: Thôn G, xã P, huyện Q, tỉnh B; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trương Thành C, sinh năm 1959 và bà Phạm Thị M, sinh năm 1965; Bị cáo là con duy nhất trong gia đình; Vợ: Nguyễn Thị N, sinh năm 1991 (đã ly hôn), con: Chưa có.

Tiền án: 01: Bản án hình sự sơ thẩm số 122/2017/HSST ngày 15/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh B, áp dụng khoản 1, 5 Điều 194, Điều 33, điểm p, khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999 xử phạt Trương Văn K 30 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", Kiên đã nộp án phí HSST ngày 18/10/2017; ngày 03/6/2019 chấp hành xong hình phạt tù, chưa chấp hành hình phạt bổ sung 5.000.000đ.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số 71/2014/HSST ngày 23/4/2014 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh B, áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm b, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 60 BLHS năm 1999, xử phạt 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 tháng về tội Trộm cắp tài sản, K đã chấp hành án xong hình phạt, đã nộp án phí HSST ngày 17/6/2014.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/10/2021 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B, có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Văn H, sinh năm 1998.

HKTT: Khu Đ, phường N, thành phố B; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn Đ, sinh năm 1974 và bà Ngô Thị H, sinh năm 1979; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Vợ: Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 2002; Con: 01 con, sinh năm 2021.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/10/2021 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Hồi 13 giờ ngày 03/10/2021, tại tầng 1 nhà nghỉ T, khu C, phường V, thành phố B, đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố B bắt quả tang Trần Văn H đang có hành vi bán trái phép cho Đặng Ngọc T 0,8652gam ma túy Ketamine với giá 4.500.000đ nhằm mục đích kiếm lợi nhuận. Về nguồn gốc số ma túy H bán cho T là do H mua của Trương Văn K. Ngoài số ma túy bán cho H, K còn cất giấu 1,8562gam ma túy Methamphetamine với mục đích bán kiếm lợi nhuận. Vật chứng thu giữ:

Thu của Thế: Tại tay trái của Thế có 01 túi nilon màu trắng, bên trong chứa chất bột màu trắng, được niêm phong trong phong bì thư dán kín ký hiệu M1, trên mép dán có chữ ký của các đối tượng và người làm chứng theo quy định pháp luật. Thu 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen lắp sim số 0981.763.493 đã qua sử dụng.

Thu của Hiệp: Tại tay trái H 09 tờ tiền mệnh giá 500.000đ, được niêm phong trong phong bì thư dán kín ký hiệu M2, trên mép dán có chữ ký của các đối tượng và người làm chứng theo quy định pháp luật; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone vỏ màu trắng lắp sim số 0399.351.890.

Tại bản kết luận giám định số: 664/KLGĐMT-PC09 ngày 05/10/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh B kết luận: “ Chất bột màu trắng bên trong 01 túi nilon màu trắng có khối lượng 0,8652gam, là ma túy, loại ma túy: Ketamine; 09 tờ tiền mệnh giá 500.000đ trong phong bì thư ký hiệu M2 là tiền thật ”. Nguồn gốc số ma túy trên là do H mua của Trương Văn K, sinh năm 1991, HKTT: Thôn Đ, xã Đ, huyện Q, tỉnh B với giá 3.500.000đ.

Cùng ngày 03/10/2021, Trương Văn K đã đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đầu thú về hành vi phạm tội của mình và tự nguyện giao nộp 01 túi nilon màu trắng, bên trong chứa chất tinh thể màu trắng và 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu MI vỏ màu hồng đã qua sử dụng, lắp sim số 0326.218.878.

Tại bản kết luận giám định số: 665/KLGĐMT-PC09 ngày 05/10/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh B kết luận: “ Chất tinh thể màu trắng bên trong 01 túi nilon màu trắng có khối lượng 1,8562gam, là ma túy, loại ma túy Methamphetamine.

Ngày 04/10/2021 cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trần Văn H tại khu Đ, phường N, thành phố B, tỉnh B

và chỗ ở của Trương Văn K tại thôn G, xã P, huyện Q, tỉnh B. Quá trình khám xét không thu giữ đồ vật, tài liệu gì.

Cáo trạng số: 12/CT-VKSTPBN ngày 14/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo Trương Văn K, Trần Văn H về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà hôm nay bị cáo Trương Văn K và Trần Văn H đã khai nhận: Khoảng 12 giờ, ngày 03/10/2021, Trần Văn Hiệp đang ở nhà ở khu Đ, phường N, thành phố B, tỉnh B thì Đặng Ngọc T gọi điện từ số 0981.763.493 đến số điện thoại 0399.351.890 của Hiệp để hỏi mua của Hiệp 02 chỉ ma túy Ketamine, Hiệp đồng ý. T bảo H mang ma túy ra nhà nghỉ T ở khu C, phường V, thành phố B để bán cho T. Sau đó H dùng tài khoản zalo tên “Hiệp nhé” gọi điện vào tài khoản zalo có tên đăng nhập “Đời cao thấp vấp ngã” của K và bảo K bán cho H 3.500.000đ tiền ma túy. K đồng ý và bảo H đi xuống gần khu vực cổng chùa thôn G, xã P, huyện Q để hai bên giao dịch mua bán ma túy. Khoảng 10 phút sau H đi xe taxi của một người không quen biết đến khu vực cổng chùa thôn G gặp K. Tại đây Kiên đưa cho H 01 túi nilon màu trắng, bên trong chứa chất bột màu trắng là ma túy tổng hợp. H cầm túi ma túy và đút vào túi quần bên phải H đang mặc rồi bảo K cho H nợ 3.500.000đ tiền mua ma túy, bao giờ H bán được số ma túy này sẽ trả tiền cho Kiên. Sau đó H đi xe taxi đến nhà nghỉ T. Trên đường đi H gặp Đàm Văn Đ, sinh năm 1999; HKTT: Khu Đ, phường N thành phố B, tỉnh B đang đi bộ. Đ lên taxi đi cùng H. Khi đi gần đến nhà nghỉ T thì cả hai vào nhà nghỉ Tg. Khi đến tầng 01 của nhà nghỉ, H và Đ gặp T. T đưa cho H 4.500.000đ gồm 09 tờ tiền mệnh giá 500.000đ, H cầm bằng tay trái và đưa lại cho T 01 túi ma túy vừa mua được của K, T cầm túi ma túy bằng tay trái thì bị công an bắt giữ H, T và thu giữ vật chứng như trên. Về nguồn gốc số ma túy Kiên bán cho H và số ma túy Kiên tự nguyện giao nộp, K khai nhận mua được của một người phụ nữ không quen biết ở công nghĩa trang thành phố B với giá 3.000.000đ vào khoảng 09 giờ ngày 03/10/2021. Túi ma túy K đã giao nộp cho Cơ quan điều tra khi ra đầu thú, K khai nhận sẽ dùng túi ma túy này để bán cho người khác có nhu cầu mua nhằm mục đích kiếm lợi nhuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B thực hành quyền công tố tại phiên toà, sau khi phân tích đánh giá mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nguyên nhân, điều kiện phạm tội và những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo. Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trương Văn K, Trần Văn H phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; (điểm h khoản 1 Điều 52 đối với bị cáo Trương Văn K); Điều 38 Bộ luật hình sự; Đề nghị xử phạt Trần Văn H từ 26 đến 30 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 03/10/2021. Trương Văn Kiên từ 40 đến 46 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 03/10/2021. Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho hai bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy mẫu vật còn lại sau giám định theo kết luận giám định số 664/KLGĐMT-PC09 ngày 05/10/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Bắc Ninh và 665/KLGĐMT-PC09 ngày 05/10/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh B. Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước số tiền 4.500.000đ (gồm 09 tờ tiền mệnh giá 500.000đ); 01 điện thoại di động nhãn hiệu MI vỏ màu hồng đã qua sử dụng kèm theo 01 sim số 0326.218.878; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone vỏ màu trắng đã qua sử dụng, kèm 01 sim số 0399.351.890; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen đã qua sử dụng, kèm 01 sim số 0981.763.493.

Các bị cáo không tham gia tranh luận gì với quan điểm của Kiểm sát viên. Các bị cáo chỉ xin hưởng mức hình phạt thấp nhất.

Căn cứ các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng: Đã thực hiện đúng theo quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng. Vậy các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Trương Văn K, Trần Văn H tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, kết quả giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ. Hội đồng xét xử xét đã có đủ cơ sở kết luận: Hồi 13 giờ ngày 03/10/2021, tại tầng 1 nhà nghỉ T, khu C, phường V, thành phố B, đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố B bắt quả tang Trần Văn H đang có hành vi bán trái phép cho Đặng Ngọc T 0,8652 gam ma túy Ketamine với giá 4.500.000đ nhằm mục đích kiếm lợi nhuận. Về nguồn gốc số ma túy H bán cho T là do H mua của Trương Văn K. Ngoài số ma túy bán cho H, K còn cất giấu 1,8562gam ma túy Methamphetamine với mục đích bán kiếm lợi nhuận.

Bị cáo Trương Văn K và Trần Văn H đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Cáo trạng truy tố hai bị cáo theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do vậy, cần phải xử lý nghiêm các bị cáo nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Trong vụ án này các bị cáo nhận thức, thấy được tác hại của ma túy nhưng vì mục đích hám lợi nên các bị cáo đã bất chấp pháp luật bán một lượng chất ma túy để

kiếm lợi nhuận. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm, coi thường pháp luật. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội độc lập. Do vậy vụ án không có tính đồng phạm. Các bị cáo chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự trong phạm vi hành vi phạm tội mà mình đã thực hiện. Bị cáo H thấy Đặng Ngọc T gọi điện hỏi mua ma túy nên đã mua 0,8652gam ma túy Ketamine của bị cáo K về bán cho Thế để kiếm lời. Khi mua ma túy của K, H có bảo K cho nợ tiền, bao giờ bán được thì H sẽ trả tiền. Tuy nhiên K không biết H mang ma túy bán cho ai với giá bao nhiêu tiền, H không bàn bạc, trao đổi gì với K. Do vậy hành vi mua bán trái phép chất ma túy giữa H với K, giữa H với T là độc lập với nhau. Ngoài số ma túy bán cho H, K còn cất giữ 1,8562gam ma túy Methamphetamine để bán kiếm lời. Số ma túy K cất giữ để bán Hiệp không biết. Do vậy H chỉ phải chịu trách nhiệm về hành vi bán trái phép 0,8652gam ma túy Ketamine cho Đặng Ngọc T. Bị cáo K phải chịu trách nhiệm về hành vi bán trái phép 0,8652gam ma túy Ketamine cho Hiệp và 1,8562 gam ma túy Methamphetamine mà bị cáo cất giữ để bán kiếm lời.

[3] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo: Bị cáo H là người có nhân thân tốt. Bị cáo K là người có nhân thân xấu, bị cáo đã 02 lần bị Tòa án nhân dân huyện Q xét xử về tội Trộm cắp tài sản và tội Mua bán trái phép chất ma túy. Tuy nhiên bị cáo không lấy đó làm bài học mà lại tiếp tục có hành vi phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy. Điều này cho thấy bị cáo là người coi thường pháp luật, không có ý thức tu dưỡng, rèn luyện bản thân để trở thành công dân tốt cho xã hội. Bị cáo H chưa có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Kiên tự nguyện ra đầu thú về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Hiệp có ông ngoại được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất và Huân chương giải phóng hạng ba nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo H không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo K phạm tội khi chưa được xóa án tích của bản án 122/2017/HSST ngày 15/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Bắc Ninh. Do vậy bị cáo K phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “*Tái phạm*” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự

4] Hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính là hình phạt tù, cần phải áp dụng hình phạt bổ sung là “*Phạt tiền*” theo quy định tại khoản 5 Điều 251 của Bộ luật hình sự. Tuy nhiên hai bị cáo nghề nghiệp và thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng nên miễn hình phạt tiền cho hai bị cáo.

[5] Về vật chứng của vụ án: Mẫu vật còn lại sau giám định được niêm phong trong phong bì thư có dấu niêm phong của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh B là vật cấm lưu hành cần tịch thu tiêu hủy. Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước số tiền 4.500.000đ (gồm 09 tờ tiền mệnh giá 500.000đ); 01 điện thoại di động nhãn hiệu MI

vỏ màu hồng đã qua sử dụng kèm theo 01 sim số 0326.218.878; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone vỏ màu trắng đã qua sử dụng, kèm 01 sim số 0399.351.890; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen đã qua sử dụng, kèm 01 sim số 0981.763.493.

Đối với người phụ nữ bán ma túy cho K ở khu vực nghĩa trang thành phố B, K không quen biết người này, không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể của người này ở đâu. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Bắc ninh đã tiến hành xác minh nhưng chưa xác định được con người cụ thể, khi nào làm rõ xử lý sau.

Đặng Ngọc T là người mua ma túy của H, do khối lượng ma túy T mua để sử dụng không đủ truy cứu trách nhiệm hình sự. T không có tiền án, tiền sự. Hiện tại T không có mặt tại địa phương nên cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Bắc Ninh chưa xác minh làm rõ được, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

Anh Đàm Văn Đ sinh năm 1999; HKTT: Khu Đ, phường N, thành phố B, tỉnh B khi đi cùng H, H không nói cho anh Đ biết H đi bán ma túy cho T nên cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B không xem xét xử lý là phù hợp.

Đối với chị Nguyễn Thị T là chủ nhà nghỉ T, do không biết việc H và T bán ma túy tại tầng 1 của nhà nghỉ nên cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Bắc Ninh không xem xét xử lý là phù hợp.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; (điểm h khoản 1 Điều 52 đối với bị cáo Trương Văn K); Điều 38; Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106; Điều 136; Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Trương Văn K, Trần Văn H phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Trương Văn K 42 (Bốn mươi hai) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 03/10/2021. Tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày 17/3/2022 để đảm bảo thi hành án.

Xử phạt bị cáo Trần Văn H 26 (Hai mươi sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 03/10/2021. Tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày 17/3/2022 để đảm bảo thi hành án.

Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho hai bị cáo.

Về vật chứng vụ án: Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước số tiền 4.500.000đ (gồm 09 tờ tiền mệnh giá 500.000đ); Tịch thu tiêu huỷ một phong bì thư được niêm phong theo quy định, bên trong có chứa mẫu vật còn lại sau giám định theo bản kết luận giám định số 664/KLGĐMT-PC09 ngày 05/10/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh B và 665/KLGĐMT-PC09 ngày 05/10/2021 của Phòng kỹ thuật

hình sự, Công an tỉnh B; 01 điện thoại di động nhãn hiệu MI vỏ màu hồng đã qua sử dụng kèm theo 01 sim số 0326.218.878; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone vỏ màu trắng đã qua sử dụng, kèm 01 sim số 0399.351.890; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen đã qua sử dụng, kèm 01 sim số 0981.763.493 theo biên bản giao nhận tài sản, vật chứng số 53/GN-CCTHA, ngày 13/01/2022 giữa Công an thành phố Bắc Ninh và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh.

Về án phí: Buộc các bị cáo Trương Văn K, Trần Văn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- VKSND thành phố B;
- CQĐT CA thành phố B;
- Trại TGCA tỉnh B;
- CCTHADS thành phố B;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Hồng